**HƯỚNG DẪN HS HỌC-LỊCH SỬ 12**

**Tuần 11 (15-> 19/11/2021)**

**Bài 8. NHẬT BẢN**

**\* HS đọc SGK, đề cương + ghi bài:**

**I. NHẬT BẢN TỪ NĂM 1945 - 1952**

**1. Hoàn cảnh lịch sử:** CTTG thứ II để lại những hậu quả nặng nề (*gần 3 triệu người chết và mất tích, 13 triệu người thất nghiệp...),* bị Mỹ chiếm đóng dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh (1945 - 1952).

**2. Về kinh tế:** Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh **(**SCAP) tiến hành 3 cải cách lớn:

+ Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, giải tán các tập đoàn lũng đoạn “Dai-bát-xư”.

+ Cải cách ruộng đất, địa chủ được sở hữu không quá 3ha.

+ Dân chủ hóa lao động (thực hiện các đạo luật về lao động)

=> Những năm 1950 - 1951, Nhật đã khôi phục kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

**3. Về đối ngoại:** Liên minh chặt chẽ với Mĩ => Nhật sớm ký kết *Hiệp ước Hòa bình Xan Phranxixco* (9/1951), chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh. *Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật* cũng được ký kết (9/1951).

**II. NHẬT BẢN TỪ 1952 - 1973**

**1. Kinh tế:**

- Từ 1952 - 1960: phát triển nhanh.

- Từ 1960 - 1973 phát triển thần kỳ **(***tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,8%/ năm trong những năm 1960-1969).*

*-* Năm 1968, Nhật vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản. Đầu những năm 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

**2. Giáo dục, khoa học- kỹ thuật:**

- Rất coi trọng giáo dục và khoa học kỹ thuật, mua bằng phát minh sáng chế.

- Khoa học – kỹ thuật chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng (tivi, tủ lạnh, ôtô, đóng tàu chở dầu 1 triệu tấn, cầu đường bộ dài 9,4 km…)

***\* Nguyên nhân phát triển:***

- Con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu.

- Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước có hiệu quả.

- Các công ti Nhật năng động, có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

- Áp dụng thành công những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung đầu tư vốn cho kinh tế.

- Tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để phát triển (*viện trợ Mĩ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam…)*

**3. Đối ngoại: -** Vẫn liên minh chặt chẽ với Mĩ.

- Năm 1956, bình thường hoá quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

**III. NHẬT BẢN TỪ 1973 - 1991**

**1. Kinh tế:**

- Từ 1973 sự phát triển xen kẽ những giai đoạn suy thoái ngắn.

- Nửa sau những năm 80, Nhật vươn lên trở thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới.

**2. Đối ngoại:** tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

**IV. NHẬT BẢN TỪ 1991 - 2000**

**1. Kinh tế:** Vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (năm 2000, GDP là gần 5000 tỷ USD).

**2. Khoa học kỹ thuật**: phát triển ở trình độ cao. Năm 1992, phóng 49 vệ tinh nhân tạo, hợp tác với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

**3. Đối ngoại:**

- Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ.

- Coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác trong phạm vi toàn cầu và chú trọng quan hệ với Đông Nam Á.

- Nỗ lực vươn lên thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

Lưu ý: Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn: Học sinh tự học

\* Củng cố:

HS trả lời câu hỏi: “Vì sao nói con người là nhân tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển của Nhật Bản?”

\* Dặn dò: Chuẩn bị bài mới-Bài 9.